

Số: 513/TBHH-CVHHĐN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về khu vực thi công nạo vét luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải thuộc Gói thầu CM-XL05, Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép (phạm vi nạo vét từ cảng Phước An đến vùng quay tàu thượng lưu Vedan)

Vùng biển: tỉnh Đồng Nai

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Đơn đề nghị số 664/BHHĐT-ĐHDA5 ngày 05/8/2025 của Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy về việc công bố thông báo hàng hải.

Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai thông báo thiết lập khu vực thi công nạo vét luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải thuộc Gói thầu CM-XL05, Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép, được giới hạn bởi các điểm như sau:

1. Khu vực 6: Đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái: Từ phao “56”-300m đến phao “60”+100m)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
Biên phải luồng				
BP55	10°38'17,57"N	107°00'20,24"E	10°38'13,90"N	107°00'26,67"E
BP56	10°38'22,56"N	107°00'31,12"E	10°38'18,89"N	107°00'37,55"E
BP57	10°38'33,68"N	107°00'39,85"E	10°38'30,01"N	107°00'46,27"E
BP58	10°38'42,33"N	107°00'42,29"E	10°38'38,66"N	107°00'48,72"E
BP59	10°38'55,38"N	107°00'41,56"E	10°38'51,71"N	107°00'47,99"E
BP60	10°39'07,20"N	107°00'45,30"E	10°39'03,52"N	107°00'51,72"E



Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
Biên trái luồng				
BT48	10°38'21,56"N	107°00'18,37"E	10°38'17,89"N	107°00'24,80"E
BT49	10°38'26,10"N	107°00'28,28"E	10°38'22,43"N	107°00'34,70"E
BT50	10°38'35,70"N	107°00'35,81"E	10°38'32,02"N	107°00'42,23"E
BT51	10°38'43,05"N	107°00'37,88"E	10°38'39,37"N	107°00'44,31"E
BT52	10°38'47,64"N	107°00'38,04"E	10°38'43,96"N	107°00'44,47"E
BT53	10°39'00,41"N	107°00'37,33"E	10°38'56,73"N	107°00'43,75"E
BT54	10°39'05,45"N	107°00'38,92"E	10°39'01,78"N	107°00'45,35"E

2. Khu vực 7: Đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái: Từ phao “62”+65m đến phao “68”+318m

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
Biên phải luồng				
BP61	10°39'22,34"N	107°00'57,21"E	10°39'18,66"N	107°01'03,63"E
BP62	10°39'27,52"N	107°00'58,87"E	10°39'23,84"N	107°01'05,30"E
BP63	10°39'36,15"N	107°00'57,08"E	10°39'32,47"N	107°01'03,50"E
BP64	10°39'40,26"N	107°00'53,48"E	10°39'36,59"N	107°00'59,91"E
BP65	10°39'45,40"N	107°00'44,07"E	10°39'41,72"N	107°00'50,49"E
Biên trái luồng				
BT55	10°39'22,00"N	107°00'51,94"E	10°39'18,33"N	107°00'58,37"E
BT56	10°39'27,86"N	107°00'54,26"E	10°39'24,19"N	107°01'00,69"E
BT57	10°39'34,04"N	107°00'52,98"E	10°39'30,36"N	107°00'59,41"E
BT58	10°39'38,51"N	107°00'48,51"E	10°39'34,84"N	107°00'54,93"E
BT59	10°39'41,37"N	107°00'43,27"E	10°39'37,70"N	107°00'49,70"E

3. Thời gian thi công: Dự kiến từ ngày 06/8/2025 đến ngày 15/11/2025.

4. Đặc điểm của các phương tiện thi công: Tàu kéo, tàu đặt cầu, tàu chở bùn,

tàu hút búng.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành trình qua các khu vực có vị trí tọa độ nêu trên lưu ý giảm tốc độ, tăng cường cảnh giới, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai, Trung tâm VTS Vũng Tàu (*trên kênh trực VHF: kênh 16 và kênh làm việc: kênh 6*) và lực lượng điều tiết giao thông tại hiện trường để đảm bảo an toàn hàng hải (*Ông Trần Song Hào - Chỉ huy trưởng công trình, số điện thoại: 0941.182.888*).

Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ trực tiếp với Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy⁽¹⁾./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Cảng vụ đường thủy nội địa;
- Tổng Công ty BĐATHH Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV HTHH miền Nam;
- Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Trung tâm VTS Vũng Tàu;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý dự án Hàng hải và Đường thủy;
- Giám đốc cơ quan (để b/c);;
- Website Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Các phòng, đại diện trực thuộc (t/d);
- Các Cảng khu vực Phước An, Phước Thái (t/d);
- Lưu: VT, QLKCHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Tuấn Quang

1.C.N.VA
IG.VI
IG.H
NG.N
ĐƯỜNG

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



Danh sách nơi nhận kèm theo:

1. Bộ Tư lệnh Hải quân;
2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
3. Cục Thủy sản - Kiểm ngư;
3. BCH Bộ đội BP TP. Hồ Chí Minh;
4. BCH Bộ đội BP Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
5. Chi cục HH và ĐT phía Nam;
6. Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam;
7. Đài Tiếng nói Nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
8. Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
9. Đài thông tin Duyên hải TP. Hồ Chí Minh;
10. Các doanh nghiệp chủ tàu;
11. Các doanh nghiệp cảng biển;
12. Các đại lý hàng hải;
13. Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
14. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
15. Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh;
16. Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy I;
17. Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy II.



VÙNG NƯỚC THUỘC CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI QUẢN LÝ

tỉnh Đồng Nai
Đồng Nai province

huyện Nhơn Trạch
Nhơn Trạch district

xã Long Thọ
Long Thọ commune

BẢNG TỌA ĐỘ KHÔNG CHẾ PHẠM VI THI CÔNG

BẢNG TỌA ĐỘ KHÔNG CHẾ PHẠM VI THI CÔNG						
Tên điểm	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°)			Tọa độ WGS84		
	Tọa độ vuông góc		Tọa độ địa lý		Vĩ Độ (B)	Kinh độ (L)
	X (m)	Y (m)	Vĩ Độ (B)	Kinh độ (L)		
I	Khu vực 6: Đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái: Từ phao "56"-300m đến phao "60"+100m)					
	Biên phải luồng					
BP55	1.176.508,36	610.028,18	10°38'17,57"N	107°00'20,24"E	10°38'13,90"N	107°00'26,67"E
BP56	1.176.662,68	610.358,40	10°38'22,56"N	107°00'31,12"E	10°38'18,89"N	107°00'37,55"E
BP57	1.177.005,30	610.622,54	10°38'33,68"N	107°00'39,85"E	10°38'30,01"N	107°00'46,27"E
BP58	1.177.271,20	610.695,94	10°38'42,33"N	107°00'42,29"E	10°38'38,66"N	107°00'48,72"E
BP59	1.177.672,15	610.672,45	10°38'55,38"N	107°00'41,56"E	10°38'51,71"N	107°00'47,99"E
BP60	1.178.035,59	610.784,78	10°39'07,20"N	107°00'45,30"E	10°39'03,52"N	107°00'51,72"E
	Biên trái luồng					
BT48	1.176.630,66	609.971,03	10°38'21,56"N	107°00'18,37"E	10°38'17,89"N	107°00'24,80"E
BT49	1.176.771,09	610.271,52	10°38'26,10"N	107°00'28,28"E	10°38'22,43"N	107°00'34,70"E
BT50	1.177.066,75	610.499,45	10°38'35,70"N	107°00'35,81"E	10°38'32,02"N	107°00'42,23"E
BT51	1.177.292,78	610.561,84	10°38'43,05"N	107°00'37,88"E	10°38'39,37"N	107°00'44,31"E
BT52	1.177.433,86	610.566,20	10°38'47,64"N	107°00'38,04"E	10°38'43,96"N	107°00'44,47"E
BT53	1.177.826,16	610.543,22	10°39'00,41"N	107°00'37,33"E	10°38'56,73"N	107°00'43,75"E
BT54	1.177.981,35	610.591,19	10°39'05,45"N	107°00'38,92"E	10°39'01,78"N	107°00'45,35"E
II	Khu vực 7: Đoạn luồng từ thượng lưu cảng Phước An đến cảng Vedan Phước Thái: Từ phao "62"+65m đến phao "68"+318m					
	Biên phải luồng					
BP61	1.178.502,00	611.145,29	10°39'22,34"N	107°00'57,21"E	10°39'18,66"N	107°01'03,63"E
BP62	1.178.661,35	611.195,28	10°39'27,52"N	107°00'58,87"E	10°39'23,84"N	107°01'05,30"E
BP63	1.178.926,35	611.139,90	10°39'36,15"N	107°00'57,08"E	10°39'32,47"N	107°01'03,50"E
BP64	1.179.052,35	611.030,28	10°39'40,26"N	107°00'53,48"E	10°39'36,59"N	107°00'59,91"E
BP65	1.179.209,29	610.743,52	10°39'45,40"N	107°00'44,07"E	10°39'41,72"N	107°00'50,49"E
	Biên trái luồng					
BT55	1.178.491,12	610.985,21	10°39'22,00"N	107°00'51,94"E	10°39'18,33"N	107°00'58,37"E
BT56	1.178.671,44	611.055,25	10°39'27,86"N	107°00'54,26"E	10°39'24,19"N	107°01'00,69"E
BT57	1.178.861,03	611.015,64	10°39'34,04"N	107°00'52,98"E	10°39'30,36"N	107°00'59,41"E
BT58	1.178.998,22	610.879,24	10°39'38,51"N	107°00'48,51"E	10°39'34,84"N	107°00'54,93"E
BT59	1.179.085,44	610.719,87	10°39'41,37"N	107°00'43,27"E	10°39'37,70"N	107°00'49,70"E

Giáp danh vùng nước CVVT-CVĐN



